TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 7 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Thành Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Lê Quốc Định và ông Phạm Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên toà*:* Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 6 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên toà*:* Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 6 - N sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/2025/QĐST- HNGĐ ngày 25/7/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là thôn G T, xã N, tỉnh Ninh Bình).

2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1985. Thôn F, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là thôn F T, xã N, tỉnh Ninh Bình).

Phiên toà có mặt: Các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của chị Trần Thị Hồng H và anh Trần Ngọc T, nội dung vụ án như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Hồng H và anh Trần Ngọc T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, đồng thời được UBND xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là UBND xã N, tỉnh Ninh Bình) chứng nhận kết hôn vào ngày 02/11/2007. Sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục của địa phương.

** Theo chị Trần Thị Hồng H trình bày:* Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ chồng là ông Trần Ngọc S và bà Hoàng Thị C tại thôn F, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là thôn F T, xã N, tỉnh Ninh Bình). Quá trình

chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì, cho đến năm 2017 (chị H không nhớ đầu năm hay cuối năm) thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống gia đình, chị H và các con làm việc gì không vừa ý anh T là anh T lại mắng chửi chị H và các con. Đến năm 2018, 2019 thì chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn căng thẳng trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày thường xuyên xảy ra cãi nhau nhưng vì các con còn nhỏ nên chị H vẫn cố nhịn và tiếp tục chung sống cùng với anh T. Đến tháng 4 năm 2024, anh T nhắn tin trêu ghẹo, gạ gẫm, nói tục một người phụ ở xã H cũ, họ đã đăng bài viết lên mạng xã hội phản ánh về việc gạ gẫm của anh T và còn đến tận nhà nơi ở của vợ chồng, lúc đó chị H không có nhà nên họ đã gọi điện trực tiếp nói chuyện với chị H về việc anh T nhắn tin nêu trêu gẹo họ. Đến tối, khi anh T đi làm về, chị H nói chuyện với anh T thì anh T không vẫn không thừa nhận sự việc. Mặt khác, anh T còn có rất nhiều tật xấu trong cuộc sống gia đình, mặc dù vợ và mẹ chồng nhiều lần nhắc nhở, khuyên bảo nhưng anh T không nghe. Từ cuối tháng 10 năm 2024, tuy vợ chồng ở cùng nhà nhưng việc ai người đó làm, kinh tế của ai người đó tự lo liệu. Từ ngày 21/6/2025 chị H không cùng ở cùng anh T nữa mà chị ra ngoài thuê ở trọ tại Thôn G T, xã N và cũng từ thời gian này vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh T.

* *Theo anh Trần Ngọc T trình bày:* Sau ngày cưới, vợ chồng ăn ở chung cùng với bố mẹ đẻ anh T được khoảng 06 tháng thì vợ chồng ăn riêng nhưng vẫn ở cùng nhà với bố mẹ anh. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 4 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị H nghi ngờ anh ngoại tình với một người phụ nữ ở xã H cũ, người này đã đến tận nhà anh to tiếng, đến tối chị H mắng anh, sau đó vợ chồng có xảy ra cãi nhau. Anh T thừa nhận chỉ nhắn tin, gửi một số hình ảnh sexy cho người phụ nữ đó nhưng anh chưa có quan hệ gì với người đó. Sau khi vợ chồng cãi nhau chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ 01 tháng, anh T có đi tìm nhưng chị H không về đoàn tụ, anh phải nhờ gia đình hai bên khuyên thì chị H về sống cùng với anh. Nhưng vợ chồng ở với nhau được 02 tháng thì xảy ra mâu thuẫn căng thẳng chủ yếu về kinh tế. Từ ngày 21/6/2025 chị H cùng cháu L ra ngoài ở trọ tại Thôn G T, xã N và không quan tâm đến nhau. Nay chị H đề nghị được ly hôn với anh T, anh không nhất trí xin đoàn tụ với chị H.

- *Về con chung:* Chị Trần Thị Hồng H và anh Trần Ngọc T đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Ngọc Nam A, sinh ngày 29/01/2009 (hiện cháu Trần Ngọc Nam A đang ở với anh T) và cháu Trần Ngọc Hoàng L, sinh ngày 19/9/2012 (hiện cháu Trần Ngọc Hoàng L đang ở với chị H).

Trường hợp ly hôn: Chị H đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Hoàng L, giao anh T nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Nam A, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, tự lập. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị H xác định chị và anh T không có con nuôi, con riêng và hiện nay chị không có thai nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh T đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Trần Ngọc Hoàng L và cháu Trần Ngọc Nam A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, tự lập, không yêu

cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Anh T xác nhận vợ chồng không có con nuôi, con riêng.

- *Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác:* Chị Trần Thị Hồng H và anh Trần Ngọc T đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Kết quả xác minh tại địa phương:* Theo các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và theo sổ sách lưu trữ tại địa phương, chị Trần Thị Hồng H và anh Trần Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị đăng kí kết hôn vào ngày 02/11/2007 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là UBND xã N, tỉnh Ninh Bình), sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống tại địa phương thôn F, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là thôn F T, xã N, tỉnh Ninh Bình) tại nhà bố mẹ đẻ anh T là ông Trần Ngọc S và bà Hoàng Thị C. Quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn do chị H nghi ngờ anh T đi ngoại tình với người phụ nữ khác, sau đó vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau (ăn riêng, kinh tế riêng) nhưng vẫn ở cùng nhà. Nay chị H đề nghị ly hôn với anh T, địa phương đề nghị Toà án tiến hành hoà giải để vợ chồng anh chị về đoàn tụ được với nhau. Nếu anh chị không thể đoàn tụ được với nhau, địa phương đề nghị Toà án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự cung cấp, do Toà án thu thập để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị H và anh T hiện nay có 02 con chung là cháu Trần Ngọc Nam A, sinh ngày 29/01/2009 và Trần Ngọc Hoàng L, sinh ngày 19/9/2012. Ngoài ra anh chị không còn người con nào khác. Trường hợp vợ chồng ly hôn, đề nghị Toà án căn cứ vào yêu cầu của các đương sự, nguyện vọng của các cháu và các tài liệu, chứng cứ do Toà án thu thập để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền, lợi ích của các cháu. Chị H hiện nay là công nhân may, thu nhập khoảng 07 - 08 triệu đồng/tháng; anh T trước đây làm nghề phụ xây. Hiện nay anh T làm gì thì địa phương không rõ.

- Về con nuôi, con riêng: Chị H và anh T không có con riêng, con nuôi.

- Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Do anh T và chị H không có yêu cầu nên địa phương không có ý kiến gì.

* Tại phiên toà:

- Nguyên đơn chị Trần Thị Hồng H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Ngọc T. Về con chung: Chị H đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng Trần Ngọc Hoàng L, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Nam A, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, tự lập. Chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Ngọc T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng anh được đoàn tụ. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh T đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Hoàng L và cháu Trần Ngọc Nam A, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, tự

lập. Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình có quan điểm như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Toà án giải quyết ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng H và anh Trần Ngọc T. Về con chung: Đề nghị giao cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Hoàng L, giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Nam A, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, tự lập. Chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Trần Thị Hồng H cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Hồng H và anh Trần Ngọc T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận và có 02 con chung, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn các bên đưa ra là khác nhau nhưng chị H và anh T đều xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân nhau và không quan tâm đến cuộc sống chung từ tháng 10/2024 đến nay. Toà án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, giải quyết ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng H và anh Trần Ngọc T là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Hồng H và anh Trần Ngọc T có 02 con chung là cháu Trần Ngọc Nam A, sinh ngày 29/01/2009 (hiện cháu Trần Ngọc Nam A đang ở với anh T) và cháu Trần Ngọc Hoàng L, sinh ngày 19/9/2012 (hiện cháu Trần Ngọc Hoàng L đang ở với chị H).

Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của chị H và anh T là chính đáng. Xét theo nguyện vọng của cháu Nam A và cháu L cũng như điều kiện nuôi dưỡng, ăn ở, sinh hoạt và học tập của các cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần

giao cháu L cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Nam A cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H và anh T đều không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, các Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng H và anh Trần Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Hồng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Hoàng L, sinh ngày 19/9/2012 và giao cho anh Trần Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Nam A, sinh ngày 29/01/2009, từ nay cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Hồng H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0001907 ngày 13/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Hồng H và anh Trần Ngọc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 6 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Nam Lý, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Thành Nam